BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2010/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2010*

THÔNG TƯ
Quy định việc xuất bản tài liệu không kinh doanh

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc xuất bản tài liệu không kinh doanh (tài liệu không bán, tài liệu phát miễn phí, tài liệu lưu hành nội bộ - sau đây gọi tắt là tài liệu) không thực hiện qua nhà xuất bản mà do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp phép.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức Việt Nam).

2. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức nước ngoài).

3. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản: Cục Xuất bản (Bộ Thông tin và Truyền thông); Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp phép xuất bản).

Điều 3. Thẩm quyền của cơ quan cấp phép xuất bản

1. Cục Xuất bản (Bộ Thông tin và Truyền thông) cấp giấy phép xuất bản cho cơ quan, tổ chức Việt Nam ở trung ương và cơ quan, tổ chức nước ngoài những loại tài liệu có nội dung sau:

a) Tài liệu tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày kỷ niệm lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước;

b) Tài liệu hướng dẫn học tập và thi hành chủ trương đường lối, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường;

d) Kỷ yếu hội thảo, kỷ yếu hội nghị, kỷ yếu ngành nghề của các cơ quan, tổ chức Việt Nam;

đ) Tài liệu của các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép xuất bản cho cơ quan, tổ chức Việt Nam đóng tại địa phương những loại tài liệu có nội dung sau:

a) Tài liệu tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày kỷ niệm lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước (trong đó bao gồm tài liệu về lịch sử Đảng, chính quyền của địa phương);

b) Tài liệu hướng dẫn học tập và thi hành chủ trương đường lối, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước phục vụ địa phương;

c) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường phục vụ địa phương;

d) Kỷ yếu hội thảo, kỷ yếu hội nghị, kỷ yếu ngành nghề của các cơ quan, tổ chức Việt Nam đóng tại địa phương.

Điều 4. Hình thức tài liệu xuất bản

Tài liệu có nội dung quy định tại Điều 3 Thông tư này được xuất bản dưới các hình thức sau:

1. Sách;

2. Băng, đĩa;

3. Tranh, ảnh, áp phích, tờ rời, tờ gấp.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, cách thức đề nghị cấp giấy phép

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho cơ quan cấp phép xuất bản theo thẩm quyền 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh (bản chính) bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo mẫu tại phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong đơn phải điền đầy đủ các thông tin yêu cầu, có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đứng tên xin phép;

2. Hai bản thảo tài liệu có đóng dấu tại trang tên sách và dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép; trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;

3. Đối với cơ quan tổ chức Việt Nam không phải là cơ quan nhà nước; cơ quan, tổ chức nước ngoài thì ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải xuất trình kèm theo bản sao có công chứng Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép hoạt động) do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

4. Đối với các tài liệu là Kỷ yếu ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền vào đơn đề nghị cấp phép.

5. Đối với tài liệu về lịch sử Đảng, chính quyền của địa phương ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải có văn bản thẩm định nội dung của cơ quan Đảng, chính quyền cấp trên (theo yêu cầu của cơ quan cấp phép).

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được cấp phép xuất bản

1. Chỉ đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu đúng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đã được cấp phép hoạt động;

2. Đứng tên chịu trách nhiệm xuất bản trên tài liệu; thực hiện việc ghi thông tin trên tài liệu xuất bản theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Xuất bản 2004 và Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xuất bản 2008;

3. In đúng bản thảo đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đóng dấu; in đúng cơ sở in, số bản in và phát hành đúng phạm vi, đối tượng ghi trong giấy phép;

4. Trên tài liệu không được thể hiện giá bán dưới mọi hình thức;

5. Chỉ được quảng cáo về sản phẩm, dịch vụ và hoạt động của cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu đó theo quy định tại Điều 29 Luật Xuất bản 2004;

6. Chấp hành các quy định về quyền tác giả theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ;

7. Ít nhất 10 ngày trước ngày phát hành, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản nộp lưu chiểu tài liệu cho cơ quan cấp phép xuất bản theo quy định pháp luật về xuất bản;

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm của tài liệu xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan cấp phép xuất bản

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xuất bản phải cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo mẫu tại phụ lục số 2 và số 3 ban hành kèm theo Thông tư này; đóng dấu vào 01 bản thảo tài liệu gửi kèm theo Giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

2. Nhận và kiểm tra tài liệu lưu chiểu; trường hợp phát hiện tài liệu vi phạm thì xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật Xuất bản hoặc chuyển giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phí và lệ phí

1. Việc thu phí và lệ phí cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thực hiện theo quy định pháp luật về Phí và lệ phí;

2. Kinh phí đọc tài liệu lưu chiểu của cơ quan cấp phép xuất bản thực hiện theo quy định tại Thông tư liên Bộ số 01/2007/TTLT-BVHTT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và Bộ Tài chính hướng dẫn định mức và chế độ thù lao đọc xuất bản phẩm lưu chiểu.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Xuất bản) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Quý Doãn

Mẫu số 1

Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH

Kính gửi: Cục Xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông
(Sở Thông tin và Truyền thông.....)

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:.....
2. Địa chỉ: .....
Số điện thoại:.....
Số fax:.....
Email: .....
3. Tên tài liệu:.....
.....
.....
Tác giả (cá nhân hoặc tập thể):
4. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài):.....
Người dịch (cá nhân hoặc tập thể): .....
5. Hình thức tài liệu:.....
6. Số trang:..... Phụ bản (nếu có): .....
7. Khuôn khổ:..... cm. Số lượng in: ..... bản
8. Tên, địa chỉ cơ sở in: .....
.....
9. Mục đích xuất bản: .....
.....

10. Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành: .....

.....

11. Đăng ký Mã số sách quốc tế (ISBN) (có/không): .....

12. Nội dung tóm tắt của tài liệu: .....

.....

.....

.....

13. Kèm theo đơn này là 02 bản thảo tài liệu đề nghị cấp giấy phép xuất bản.

14. Cam đoan in đúng nội dung tài liệu, thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản và các quy định pháp luật về xuất bản.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CXB	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH

CỤC TRƯỞNG CỤC XUẤT BẢN

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản ngày..... tháng..... năm..... của.....
.....

CHO PHÉP

1. Cơ quan, tổ chức:.....
.....

Được xuất bản tài liệu: .....
.....
.....
của tác giả (người dịch): .....
.....

- Số trang:..... Phụ bản (nếu có):.....
- Khuôn khổ:.....cm. Số lượng in: ..... bản
- In tại cơ sở in:.....
- Mã số sách quốc tế (ISBN): .....

- Mục đích xuất bản:.....

.....

- Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành: .....

2. Trước khi phát hành, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp lưu chiểu theo quy định tại Điều 27 Luật Xuất bản, Điều 12 Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật Xuất bản, quy định tại các mục 1 và 2 giấy phép này; in đúng với bản thảo có đóng dấu của Cục Xuất bản; không được tẩy xóa, sửa chữa hoặc chuyển nhượng giấy phép này cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào.

Giấy phép này có giá trị trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký.

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)... **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-STTTT	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản ngày..... tháng..... năm..... của.....
.....

CHO PHÉP

1. Cơ quan, tổ chức:.....
.....

Được xuất bản tài liệu: .....
.....
của tác giả (người dịch): .....
.....

- Số trang:..... Phụ bản (nếu có):.....
- Khuôn khổ:..... cm. Số lượng in:..... bản
- In tại cơ sở in:.....
- Mã số sách quốc tế (ISBN): .....
- Mục đích xuất bản:.....
.....

- Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành: .....

2. Trước khi phát hành, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp lưu chiểu theo quy định tại Điều 27 Luật Xuất bản, Điều 12 Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật Xuất bản, quy định tại các mục 1 và 2 giấy phép này; in đúng với bản thảo có đóng dấu của Sở Thông tin và Truyền thông; không được tẩy xóa, sửa chữa hoặc chuyển nhượng giấy phép này cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào.

Giấy phép này có giá trị trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/QĐ-CTN	*Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 200/TTr-CP ngày 31/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 08 công dân hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và những công dân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Minh Triết

DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN ĐANG CƯ TRÚ TẠI CHLB ĐỨC ĐƯỢC THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-CTN ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Chủ tịch nước)

1. Nguyễn Thị Hồng, sinh ngày 02/6/1969 tại Thái Bình — Giới tính: Nữ
   Hiện trú tại: Kelbestrasse 4, 04316 Leipzig
2. Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 21/7/1994 tại Đức — Giới tính: Nữ
   Hiện trú tại: Kelbestrasse 4, 04316 Leipzig
3. Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 20/12/2000 tại Đức — Giới tính: Nam
   Hiện trú tại: Kelbestrasse 4, 04316 Leipzig
4. Phạm Đình Thanh, sinh ngày 21/11/1959 tại Phú Thọ — Giới tính: Nam
   Hiện trú tại: Hellasweg 6 - 39124 Magdeburg
5. Phan Thị Nguyệt, sinh ngày 20/02/1963 tại Phú Thọ — Giới tính: Nữ
   Hiện trú tại: Hellasweg 6 - 39124 Magdeburg
6. Phạm Thùy Linh, sinh ngày 27/3/1994 tại Đức — Giới tính: Nữ
   Hiện trú tại: Hellasweg 6 - 39124 Magdeburg
7. Phạm Ngọc Tú, sinh ngày 25/7/1997 tại Đức — Giới tính: Nữ
   Hiện trú tại: Hellasweg 6 - 39124 Magdeburg
8. Phạm Thanh Tùng, sinh ngày 20/02/1999 tại Đức — Giới tính: Nam
   Hiện trú tại: Hellasweg 6 - 39124 Magdeburg./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 234/BKH-QLĐT V/v Đính chính Thông tư số 01/2011/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2011*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 01/2011/TT-BKHĐT ngày 04/01/2011 quy định chi tiết kiểm tra về công tác đấu thầu.

Do sơ suất trong quá trình soạn thảo và đánh máy tại Điều 28 Chương VI Thông tư nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin đính chính lại nội dung như sau:

Vị trí	Nội dung trong Thông tư số 01/2011/TT-BKHĐT	Nội dung đính chính
Điều 28. Hiệu lực thi hành	Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/02/2011	Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2011

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin thông báo để các cơ quan liên quan được biết và thực hiện theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Huy Đông

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 01/2011/SL-LPQT

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Áo về hợp tác tài chính, ký tại Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

AGREEMENT

BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
REPRESENTED BY THE MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF AUSTRIA
REPRESENTED BY THE FEDERAL MINISTER OF FINANCE

ON
FINANCIAL CO-OPERATION

The Government of the Socialist Republic of Vietnam represented by the Ministry of Planning and Investment and the Government of the Republic of Austria represented by the Federal Minister of Finance hereunder called the "Contracting Parties",

- desiring to promote further the close and friendly relations existing between their two countries,

- desiring to develop, extend and deepen the successful co-operation in the financial field,

have agreed as follows:

Article 1

The Contracting Parties will endeavour, within the framework of their respective existing laws, regulations and policies as well as their international obligations to promote and expand financial co-operation.

Article 2

For the purpose of promoting and expanding financial co-operation, the Austrian Federal Minister of Finance is prepared to support the provision of tied aid credits on concessional terms, refinanced by Oesterreichische Kontrollbank Aktiengesellschaft (OeKB), Vienna, under its export financing scheme.

An indicative financial framework of up to EUR 150 mln. (Euro one hundred fifty million) is envisaged for projects jointly promoted by the Contracting Parties for a period of two years from the date of entry into force of this Agreement.

Article 3

The terms and conditions of the loans will be set in conformity with international obligations resulting from the "Arrangement on Officially Supported Export Credits" under the auspices of the OECD. Accordingly, the concessionality level will be at least 35 %.

The eligibility of projects to be financed will be appraised taking into consideration the ex-ante guidance gained under the "Helsinki" tied aid disciplines, as well as applicable national allocation criteria.

Article 4

Loan agreements refinanced by OeKB are negotiated directly between commercial banks acceptable within the Austrian export financing system as lenders and the Ministry of Finance of the Socialist Republic of Vietnam or financial institutions authorised by the Vietnamese government acting on behalf of the Socialist Republic of Vietnam as borrowers. In case the Ministry of Finance of the Socialist Republic of Vietnam is not the borrower it shall issue project-specific guarantees complying with the qualifications set out in Article 7 of this Agreement.

Article 5

The formal inclusion of projects into this Agreement shall be agreed upon through exchange of letters between the Ministry of Planning and Investment of the Socialist Republic of Vietnam and the Federal Ministry of Finance of the Republic of Austria when the supply and financial contracts have been signed. It shall be effected in a consecutive manner during a period of 24 months starting from the date of the entry into force of the present Agreement. Projects under negotiation before the entry into force of the present Agreement shall be included in the same manner as projects initiated after its entry into force.

Article 6

The loans provided are to be utilized for the purchase of Austrian goods and services, which may include up to 50 % goods and services originating outside Austria.

Article 7

The Ministry of Finance on behalf of the Government of the Socialist Republic of Vietnam hereby irrevocably and unconditionally guarantees the fulfilment of all payments resulting from Austrian concessional loans granted under this Agreement. The Ministry of Finance of the Socialist Republic of Vietnam hereby irrevocably waives any claim to immunity from suit or execution it might be entitled to in respect of payments guaranteed under this Agreement.

Article 8

Taxes levied on income and capital shall be in conformity with the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Austria for the avoidance of double taxation and the prevention of physical evasion with respect to taxes on income and on capital concluded on 2nd June 2008.

Article 9

The Contracting Parties will on an annual basis or whenever deemed necessary by the Contracting Parties review progress made in implementing this Agreement.

Article 10

In order to evaluate the use of the concessional loans provided under this Agreement and the sustainability of the corresponding projects, the Contracting Parties shall facilitate the provision of all necessary documentation for evaluation, auditing and monitoring of the projects.

Article 11

Any disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation and/or implementation of this Agreement shall be settled amicably through diplomatic channels.

Article 12

The provisions of the present Agreement shall enter into force on the first day of the month following the month in which the Agreement was signed by both Contracting Parties. The present Agreement shall be valid for a period of two years. If deemed necessary and with mutual consent, the validity of the present Agreement could be extended by exchange of notes between the Contracting Parties.

Done in two originals, both in English language.

For the Government of the
Socialist Republic of Vietnam
represented by the
Ministry of Planning and Investment

Hanoi, 15th Dec. 2010
Venue/Date

For the Government of the
Republic of Austria
represented by the
Federal Minister of Finance

Hanoi, 16th Dec. 2010
Venue/Date

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Thông tư số 198/2010/TT-BTC ngày 08/12/2010 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung Mục lục ngân sách nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23/3/2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính nội dung tại Thông tư số 198/2010/TT-BTC ngày 08/12/2010 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung Mục lục ngân sách nhà nước, như sau:

Tại Khoản 5, Điều 2 về bổ sung Tiểu mục của Mục 1750 "Thuế tiêu thụ đặc biệt" đã ghi là:

"Tiểu mục 1758: Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết".

Nay sửa thành:

"Tiểu mục 1761: Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cùng thời điểm có hiệu lực của Thông tư số 198/2010/TT-BTC ngày 08/12/2010 của Bộ Tài chính./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng